

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 162/QĐ-CDPTTHII ngày 08 tháng 2 năm 2023
II của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

- Tên ngành, nghề: **Quan hệ công chúng**
Mã ngành, nghề: **6320108**
Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**
Đối tượng tuyển sinh: - **Tốt nghiệp Trung học phổ thông**
- **Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**
Thời gian đào tạo: **2,5 năm (30 tháng)**

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo sinh viên trở thành cử nhân thực hành chuyên ngành Quan hệ công chúng có trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành chuyên nghiệp; có năng lực phát triển và khả năng tiếp cận kịp thời với sự phát triển của ngành quan hệ công chúng; và có kiến thức và kỹ năng liên ngành với lĩnh vực báo chí, truyền thông.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

Mô tả được vị trí, vai trò của quan hệ công chúng trong hoạt động truyền thông của doanh nghiệp;

Trình bày được quy trình lập kế hoạch và thực hiện chiến dịch quan hệ công chúng nói riêng và truyền thông nói chung;

Liệt kê được các hoạt động truyền thông đối nội và đối ngoại trong hoạt động của doanh nghiệp;

Trình bày được quy trình tổ chức sự kiện truyền thông;

Mô tả được quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông;

Trình bày được quy trình viết, phong cách viết các ấn phẩm truyền thông, chú trọng đặc biệt đến vai trò và lợi ích của thông cáo báo chí trong hoạt động truyền thông của doanh nghiệp;

Mô tả được các nguyên tắc đạo đức trong nghề quan hệ công chúng và kỹ năng giao tiếp, đàm phán trong kinh doanh truyền thông;

Xác định được khái niệm, mục đích thuyết trình, các thành phần của thông điệp và các bước khi thuyết trình trước công chúng;



Mô tả được tác động của thị trường và môi trường trong việc xây dựng các mối quan hệ với các nhóm công chúng của doanh nghiệp;

Mô tả được những kiến thức cơ bản về digital marketing và ứng dụng hiệu quả của từng công cụ phù hợp với mục tiêu của từng chiến dịch truyền thông;

Trình bày được các chức năng của marketing trong doanh nghiệp, phương pháp và công cụ xây dựng chiến lược truyền thông marketing tích hợp (IMC);

Liệt kê được các yếu tố cơ bản về pháp luật của Nhà nước, chú trọng đặc biệt về luật quảng cáo và luật báo chí; nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, quy định về bản quyền, sở hữu trí tuệ;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

Lập được kế hoạch và thực hiện chiến dịch quan hệ công chúng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;

Thực hiện được hoạt động lập kế hoạch và tổ chức sự kiện truyền thông cho doanh nghiệp;

Phối hợp được các công cụ truyền thông đa phương tiện; vận dụng được kiến thức về thiết kế đồ họa, đồng bộ hoá âm thanh và hình ảnh, video vào thực tế sản xuất các sản phẩm truyền thông;

Soạn thảo được các nội dung trên các phương tiện truyền thông nhằm quảng bá thông tin doanh nghiệp;

Xây dựng được cơ bản thông điệp truyền thông trong tình huống khủng hoảng;

Sử dụng được các công cụ và phương thức truyền thông đối nội và đối ngoại thông dụng;

Ứng dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động quan hệ công chúng;

Đánh giá được hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp và đưa ra được những tư vấn hợp lý cho lãnh đạo doanh nghiệp;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Về thái độ

Có ý thức trách nhiệm đối với khách hàng, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức.

Có lòng say mê nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp.

Có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân; tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; chủ động, sáng tạo trong công việc, khả năng giải quyết công việc vấn đề trong điều kiện làm việc thay đổi; giao tiếp tốt với đồng nghiệp, với khách hàng;

Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong phạm vi công việc được giao;

Có khả năng đánh giá chất lượng, kết quả công việc của bản thân và nhóm sau khi hoàn thành công việc được giao;

Có khả năng định hướng, thích nghi với môi trường làm việc; có năng lực lập kế hoạch và điều phối công việc khoa học và hợp lý; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; tự học tập tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp và được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Quan hệ công chúng, sinh viên có cơ hội làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau với các vị trí:

- Quan hệ công chúng;
- Truyền thông đối ngoại;
- Truyền thông đối nội;
- Tổ chức sự kiện;
- Quản trị mạng xã hội;
- Chăm sóc khách hàng;
- Viết nội dung truyền thông.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- | | |
|--|------------|
| - Số lượng môn học, mô đun: | 36 môn học |
| - Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: | 90 tín chỉ |
| - Khối lượng các môn học chung, đại cương: | 435 giờ |
| - Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: | 1740 giờ |
| - Khối lượng lý thuyết: | 616 giờ |
| - Thực hành, thực tập, thí nghiệm: | 1413 giờ |
| - Kiểm tra: | 146 giờ |
| - Thời gian khóa học: | 2,5 năm |



3. Nội dung chương trình:

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập, trong đó (giờ)		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	157	255	23
1090042	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
1090022	Pháp luật	2	30	18	10	2
1090025	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
1080001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
1110090	Tin học	3	75	15	58	2
1090044	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
1090045	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học chuyên môn ngành	69	1740	459	1159	122
II.1	Môn học cơ sở	14	270	122	122	26
1090039	Anh văn 3-BC	2	30	10	18	2
1100078	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	26	4
1100079	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	26	0	4
1100105	Nhập môn Quan hệ công chúng	2	30	26	0	4
1100106	Ngôn ngữ báo chí và truyền thông	2	45	15	26	4
1100107	Nhiếp ảnh truyền thông	2	45	15	26	4
1100109	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin	2	45	15	26	4
II.2	Môn học chuyên môn ngành	55	1470	337	1036	97
1100110	Pháp luật và đạo đức truyền thông	2	30	26	0	4
1100111	Kỹ năng viết trong quan hệ công chúng	2	45	15	26	4
1100112	Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	2	45	15	26	4
1100113	Quan hệ truyền thông & kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp	2	45	15	26	4

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập, trong đó (giờ)		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1100114	Đọc và thẩm định thông tin truyền thông	2	45	15	26	4
1100115	Sản xuất sản phẩm phát thanh	4	90	30	52	8
1100116	Chiến lược Quảng cáo	2	45	15	26	4
1100117	Lập kế hoạch truyền thông	2	45	15	26	4
1110167	Đồ họa ứng dụng	3	75	15	54	6
1100118	Sản xuất sản phẩm truyền hình	4	90	30	52	8
1100119	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	60	30	26	4
1100120	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2	45	15	26	4
1100121	PR nội bộ	2	45	15	26	4
1100122	PR cộng đồng	2	45	15	26	4
1100123	Tổ chức sự kiện	3	75	15	56	4
1100124	Truyền thông mạng xã hội (Social media)	3	75	15	56	4
1100125	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	26	0	4
1100126	Truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	2	45	15	26	4
1100104	Thực tế tại Doanh nghiệp	2	90	0	85	5
1100036	Thực tập tốt nghiệp tại trường	4	180	0	175	5
1100037	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5	225	0	220	5
Tổng cộng (I) + (II)		90	2175	616	1413	146

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện (06 môn chung):

- Môn Ngoại ngữ: Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

- Môn Giáo dục chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐT BXH ngày 06/12/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;
- Môn Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Pháp luật;
- Môn Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;
- Môn Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Tin học;
- Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26/09/2018 Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa sẽ được công bố trước mỗi năm học căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định trong thời khóa biểu học tập hàng năm và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành cho người học theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác:

Mã số quản lý môn học được thống nhất trong chương trình đào tạo và trên phần mềm quản lý tín chỉ, cụ thể như sau:

- Phòng Quản lý Đào tạo: 108;
- Khoa Kinh tế truyền thông: 109;
- Khoa Báo chí - Truyền thông: 110;
- Khoa Công nghệ truyền thông: 111.



- Danh sách chuyển đổi môn học giữa các chương trình đào tạo:

STT	Môn học chương trình đào tạo năm 2020	Số TC	Môn thay thế	Số TC
1	Kỹ năng nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin	2
2	Tổng quan PR	2	Nhập môn Quan hệ công chúng	2
3	Ảnh báo chí	2	Nhiếp ảnh truyền thông	2
4	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	3	Sản xuất sản phẩm truyền hình	4
5	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	3	Sản xuất sản phẩm phát thanh	4
6	Kỹ năng viết tin bài PR	2	Kỹ năng viết trong quan hệ công chúng	2
7	Kỹ năng giao tiếp truyền thông	2	Quan hệ truyền thông và kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp	2
8	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn báo chí	2
9	Xây dựng và quản bá thương hiệu	2	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2
10	Truyền thông mạng xã hội	2	Truyền thông mạng xã hội	3
11	Xử lý khủng hoảng truyền thông	2	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3
12	Chiến lược quảng cáo và lập kế hoạch truyền thông	3	Chiến lược quảng cáo	2
			Lập kế hoạch truyền thông	2
13	PR nội bộ và cộng đồng	2	PR nội bộ	2
			PR cộng đồng	2
14	Tổ chức sự kiện	2	Tổ chức sự kiện	3



Handwritten signature

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

(Theo Chương trình đào tạo

ban hành theo Quyết định số 152/QĐ-CDPTTHII ngày 08/8/2023)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1			20		
<i>Môn học bắt buộc</i>			20		
1	1090044	Tiếng Anh 1	3(2,1,5)		
2	1110090	Tin học	3(1,2,3)		
3	1090042	Giáo dục chính trị	4(3,1,7)		
4	1090025	Giáo dục thể chất	2(0,2,1)		
5	1100078	Tiếng Việt thực hành	2(1,1,3)		
6	1100105	Nhập môn Quan hệ công chúng	2(2,0,4)		
7	1100113	Quan hệ truyền thông & Kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp	2(1,1,3)	1100105 (a)	
8	1100107	Nhiếp ảnh truyền thông	2(1,1,3)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 2			22		
<i>Môn học bắt buộc</i>			22		
1	1090045	Tiếng Anh 2	3(2,1,5)		
2	1080001	Giáo dục quốc phòng và An ninh	4(3,1,7)		
3	1100079	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(2,0,4)		
4	1110167	Đồ họa ứng dụng	3(1,2,3)		
5	1100115	Sản xuất sản phẩm phát thanh	4(2,2,5)		
6	1100109	Kỹ năng khai thác và xử lý thông tin	2(1,1,3)		
7	1100106	Ngôn ngữ báo chí và truyền thông	2(1,1,3)		
8	1100111	Kỹ năng viết trong quan hệ công chúng	2(1,1,3)	1100106 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 3			17		
<i>Môn học bắt buộc</i>			17		
1	1090039	Anh văn 3	2(2,0,4)		
2	1090022	Pháp luật	2(2,0,4)		



Thak

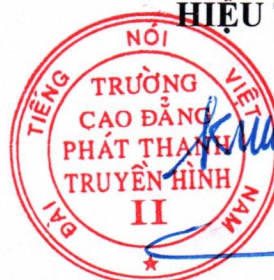
TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
3	1100116	Chiến lược Quảng cáo	2(1,1,3)		
4	1100117	Lập kế hoạch truyền thông	2(1,1,3)		
5	1100112	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	2(1,1,3)		
6	1100118	Sản xuất sản phẩm truyền hình	4(2,2,5)	1100112 (a)	
7	1100123	Tổ chức sự kiện	3(1,2,3)	1100118 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 4			15		
<i>Môn học bắt buộc</i>			15		
1	1100125	Văn hóa doanh nghiệp	2(2,0,4)		
2	1100121	PR nội bộ	2(1,1,3)	1100125 (a)	
3	1100122	PR cộng đồng	2(1,1,3)	1100125 (a)	
4	1100110	Pháp luật và đạo đức truyền thông	2(2,0,4)		
5	1100119	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3(2,1,5)		
6	1100114	Đọc và Thẩm định thông tin truyền thông	2(1,1,3)		
7	1100104	Thực tế tại doanh nghiệp	2(0,2,1)	1100125 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 5			16		
<i>Môn học bắt buộc</i>			16		
1	1100124	Truyền thông mạng xã hội (Social media)	3(1,2,3)		
2	1100126	Truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	2(1,1,3)		
3	1100120	Xây dựng và quản trị thương hiệu	2(1,1,3)		
4	1100036	Thực tập tốt nghiệp tại Trường	4(0,4,2)		4 tuần
5	1100037	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5(0,5,3)	1100036 (a)	8 tuần
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Tổng cộng			90		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

LÃNH ĐẠO KHOA

Phan Thị Thu Hiền

HIỆU TRƯỞNG



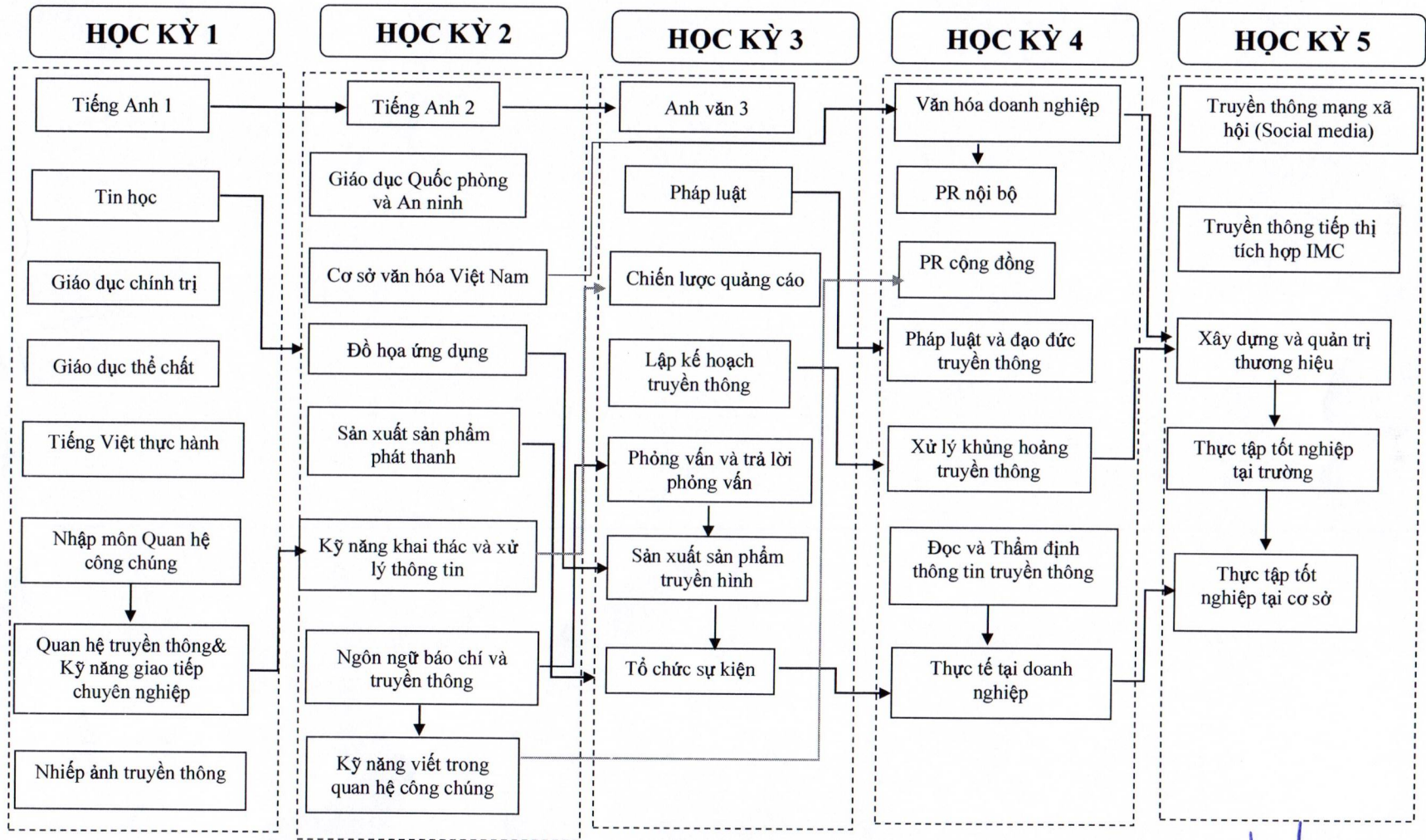
TS. Kim Ngọc Anh



SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Quan hệ công chúng

Mã ngành, nghề: 6320108



Phan Thị Thu Hiền